

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐQ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐQ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sầm Dắt Phấn.

2. Ông Phạm Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐQ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ không tham gia phiên tòa.***

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Trần Dủ M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 257, tổ 7, khu phố 114, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 257, tổ 7, khu phố 114, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2020; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Trần Dủ M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GC huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 09/7/2015. Vợ chồng chung sống năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh T tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được nên chị và anh T đã không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trần Uyên T2, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Minh Tuấn K, sinh ngày 06/6/2016. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 05/5/2020, bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 09/7/2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Nay anh cảm thấy tình cảm đã hết, sống với nhau không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Nguyễn Trần Uyên T2, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Minh Tuấn K, sinh ngày 06/6/2016. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ có văn bản về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm do xét thấy vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Minh T hiện cư trú tại khu phố 114, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐQ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị M yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Trần Dũ M là nguyên đơn; anh Nguyễn Minh T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh T và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Chị M yêu cầu được ly hôn với anh T do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Anh T thống nhất với những mâu thuẫn do chị M trình bày và đồng ý ly hôn với yêu cầu của chị M. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị M, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Trần Dũ M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không M thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[6] Về con chung: Chị M và anh T có hai con chung tên là Nguyễn Trần Uyên T2, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Minh Tuấn K, sinh ngày 06/6/2016.

Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trong thời gian chị M và anh T không còn chung sống với nhau, cháu T2 và cháu K do chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, hiện nay hai cháu đang phát triển bình thường, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ. Đồng thời chị M hiện đang là giáo viên, có công việc và thu nhập ổn định. Xét thấy việc giao cháu T2 và cháu K cho chị M nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T2 và cháu K cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Trần Dủ M chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Trần Dủ M được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn Trần Uyên T2, sinh ngày 25/8/2015 và Nguyễn Minh Tuấn K, sinh ngày 06/6/2016 cho chị Nguyễn Trần Dủ M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị M không yêu cầu, nên tạm thời anh Nguyễn Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay

đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Trần Dủ M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị M đã nộp (biên lai số 0002911 ngày 02/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐQ) được căn trừ qua án phí. Chị M đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. ĐQ;
- Thi hành án dân sự H. ĐQ;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái